

TÀI LIỆU TẬP HUẤN BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TOÁN THEO THÔNG TƯ SỐ 22/2016/TT-BGDĐT

I. Mục đích, yêu cầu

Tài liệu tập huấn hỗ trợ và hướng dẫn giáo viên tiểu học cách thức thiết kế đề kiểm tra định kì môn Toán theo thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT. Sau khi tập huấn mỗi giáo viên đều hiểu biết rõ ràng, đầy đủ và thực hành biên soạn được các câu hỏi, bài tập 4 mức độ phát triển năng lực học sinh và đề kiểm tra định kì dựa trên Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Toán.

II. Nội dung thiết kế đề kiểm tra định kì

1. Hình thức đề kiểm tra

a) Từng bước đổi mới hình thức ra đề kiểm tra đánh giá kết quả học tập của từng học sinh theo tiếp cận năng lực và đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, vùng miền. Đề kiểm tra môn Toán kết hợp hình thức kiểm tra tự luận với trắc nghiệm khách quan.

b) Thông thường hình thức trắc nghiệm khách quan có các dạng câu hỏi sau:

- Nhiều lựa chọn;
- Có/Không; Đúng/Sai phức hợp;
- Đối chiếu cặp đôi;
- Điền khuyết - yêu cầu các HS viết tiếp vào ô trống; chỗ chấm cho thích hợp; viết ra ý kiến, nhận định của mình hoặc giải thích lô-gíc.
- Câu hỏi ngắn
- Câu hỏi bằng hình vẽ
- Điền đáp án

2. Xây dựng câu hỏi/bài tập kiểm tra theo 4 mức độ

a) Căn cứ vào các mức độ câu hỏi/bài tập của Thông tư 22 để mô tả cụ thể hóa mỗi mức độ trong 4 mức độ đối với câu hỏi/bài tập môn Toán ở tiểu học, phù hợp với Chuẩn kiến thức, kỹ năng và nội dung cốt lõi của từng thời điểm đánh giá.

b) Xây dựng câu hỏi/bài tập:

- Xác định mục tiêu (nội dung và yêu cầu cần đạt). Từ đó xác định mức độ (bằng cách đối chiếu với 4 mức độ) và dự kiến câu hỏi/bài tập.
- Xây dựng các đáp án.
- Dự kiến các bước học sinh sẽ tiến hành làm bài để xác thực mức độ, nội dung của câu hỏi/bài tập phù hợp với mục tiêu.

- Trong trường hợp nhận thấy mức độ câu hỏi/bài tập chưa phù hợp với mục tiêu, có thể tăng hoặc giảm độ khó câu hỏi bằng cách tăng hay giảm thông tin trong câu hỏi.

c) Ví dụ minh họa:

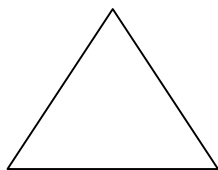
i) Xác định mục tiêu và ra câu hỏi.

- Nội dung và yêu cầu cần đạt: Nhận biết và viết được tên hình tam giác, hình tròn, hình vuông;

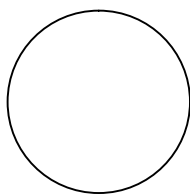
- Mức độ dự kiến: Mức 1;

- Câu hỏi:

Hình ?



Hình

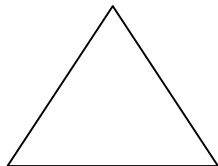


Hình

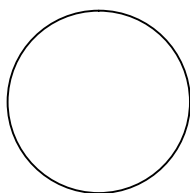


Hình

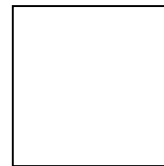
ii) Đưa ra đáp án.



Hình tam giác



Hình tròn



Hình vuông

iii) Dự kiến các bước làm bài của học sinh và xác thực mức độ, nội dung câu hỏi.

- Dự kiến các bước làm bài của học sinh:

+ Quan sát các hình;

+ Nhận biết các hình bằng cách nhớ, hồi tưởng lại kiến thức đã học;

+ Gọi và viết tên đúng từng hình.

- Xác thực mức độ, nội dung câu hỏi:

+ Câu hỏi nhằm kiểm tra học sinh có nhận biết được và gọi tên đúng các hình đã học trong sách giáo khoa lớp 1, trang 7, 8, 9. Dạng câu hỏi này có mức độ tương ứng với Mức 1.

+ Nội dung câu hỏi tường minh, dễ hiểu, gần gũi, quen thuộc với học sinh.

iv). Ví dụ câu hỏi/bài tập 4 mức độ (môn Toán lớp 1):

- Mức độ 1: (Biết)

Đưa ra một bảng gồm nhiều hình tam giác khác nhau (vị trí, kích thước) và một số hình vuông, hình tròn. Yêu cầu học sinh đánh dấu hoặc tô màu các hình tam giác có trong bảng.

- Mức độ 2: (Hiểu)

Nói các điểm hoặc xếp các que để được hình tam giác.

- Mức độ 3: (Vận dụng trực tiếp)



Đếm số hình tam giác có trong hình vẽ trên.

- Mức độ 4: (Vận dụng trong tình huống mới hoặc có nội dung thực tiễn)

Tìm những đồ vật ở lớp học hoặc ở nhà có hình dạng là hình tam giác.

3. Xây dựng đề kiểm tra

a) Quy trình xây dựng đề

Quy trình ở đây được hiểu là các bước cụ thể (có tính ước lệ và chỉ là **gợi ý tham khảo**) để thiết kế một đề kiểm tra môn Toán ở tiểu học:

Bước 1: Xác định mục đích đánh giá (đánh giá kết quả học tập, năng lực, phẩm chất nào của học sinh? Vào thời điểm nào? Đối tượng học sinh nào?..)

Bước 2: Xây dựng nội dung đánh giá (dựa vào mục đích đánh giá, Chuẩn kiến thức, kỹ năng, nội dung trọng tâm cốt lõi... để xác định các chủ đề nội dung cần đánh giá)

Bước 3: Xây dựng các câu hỏi/bài tập (số lượng các câu hỏi, dạng câu hỏi, mức độ dựa trên các **chủ đề nội dung cụ thể** của bước 2)

Bước 4: Dự kiến các phương án đáp án các câu hỏi/bài tập ở bước 3 và thời gian làm bài.

Bước 5: Dự kiến điểm số cho các câu hỏi/bài tập (căn cứ vào số lượng câu hỏi/bài tập, các mức và mục đích đánh giá, đồng thời phải dự kiến hình dung được các tình huống học sinh sẽ gặp phải trong khi làm bài kiểm tra để ước tính điểm số)

Bước 6: Điều chỉnh và hoàn thiện đề kiểm tra (Rà soát lại các câu hỏi/bài tập, mức độ, điểm số, dựa vào các yêu cầu ở bước 1, bước 2. Nếu có điều kiện – đã xây dựng được ngân hàng câu hỏi/bài tập hoặc xác định được các mục đích đánh giá định

kì ngay từ đầu năm học thì có thể thử nghiệm kiểm tra các câu hỏi/bài tập tương tự trong suốt quá trình dạy học).

b) Cách xác định nội dung kiểm tra

Dựa vào quy trình ở mục a, dưới đây chúng tôi trình bày một số nội dung chính:

- Nội dung kiểm tra được xác định rõ ràng theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Toán đến giữa học kì, trong học kì I hoặc cả năm học. Trong đó, cần xác định kiến thức, kỹ năng trọng tâm, tối thiểu cần kiểm tra.

- Các câu hỏi, bài tập trong đề kiểm tra là câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận. Cần tăng cường loại câu hỏi mở, câu hỏi có kết thúc mở bài tập phát huy năng lực tính toán, năng lực tư duy và năng lực giải quyết vấn đề của học sinh.

c) Ví dụ gợi ý cách phân phối tỉ lệ số câu, số điểm và các mức:

Có thể nói số câu hỏi, bài tập; mức độ của các câu hỏi bài tập và số điểm phân bố cho các câu hỏi bài tập trong một đề kiểm tra phụ thuộc vào nhiều yếu tố không có một công thức hoặc nguyên tắc chung nào quy định về những điều trên trong một đề kiểm tra. Chính vì vậy, những ví dụ gợi ý sau đây **hoàn toàn không bắt buộc**, chỉ là tham khảo:

- Tỉ lệ số câu, số điểm theo các mức và hình thức câu hỏi trong đề kiểm tra cần đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, phù hợp với đối tượng học sinh. Chẳng hạn: số câu hỏi trắc nghiệm khách quan: khoảng 80%; số câu hỏi tự luận: khoảng 20%.

- Tùy theo từng trường có thể đưa ra tỉ lệ ở các mức khác nhau phù hợp với yêu cầu đánh giá của từng địa phương, chẳng hạn: Mức 1: khoảng 20%; Mức 2: khoảng 30%; Mức 3: khoảng 30%; Mức 4: khoảng 20%.

d) Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 30 – 40 phút (theo thời gian của 1 tiết học theo từng lớp).

e) Ma trận đề kiểm tra

Để thuận tiện trong việc xác định các nội dung, đặc biệt là các nội dung trọng tâm, cũng như số lượng các câu hỏi/bài tập, các mức người ta có thể dùng một công cụ quen gọi là ma trận đề kiểm tra (bao gồm ma trận nội dung, ma trận câu hỏi/bài tập). Ma trận đề kiểm tra có thể coi là một kỹ thuật để xây dựng các đề kiểm tra có tính mô hình hóa. Tuy nhiên, đây **không phải là một kỹ thuật bắt buộc** phải sử dụng khi xây dựng đề kiểm tra.

- Ma trận nội dung: mỗi ô nêu nội dung kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đánh giá; số lượng câu hỏi; số điểm dành cho các câu hỏi theo các mức độ.

- Ma trận câu hỏi: mỗi ô nêu số thứ tự của câu hỏi trong đề; hình thức kiểm tra; số điểm dành cho các câu hỏi theo các mức độ.

(Có thể xem ví dụ về ma trận đề kiểm tra ở mục 4 phần e)

4. Ví dụ minh họa cách xây dựng đề kiểm tra định kì

4.1. Đề kiểm tra môn Toán cuối học kì I lớp 1

a) Nội dung môn Toán học kì I (khoảng 70 tiết) gồm:

- Các số đến 10, phép cộng, trừ trong phạm vi 10.
- Hình vuông, hình tròn, hình tam giác; viết phép tính thích hợp với hình vẽ.

b) Chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Toán học kì I:

- Biết đếm, đọc, viết, so sánh các số đến 10; nhận biết được số lượng của một nhóm đối tượng (không quá 10 phần tử); biết sử dụng hình vẽ, vật thật (que tính, hòn sỏi, hạt ngô...) để thao tác minh họa phép cộng trong phạm vi 10; thuộc bảng cộng trong phạm vi 10 và biết cộng nhẩm trong phạm vi 10; bước đầu nhận biết được vai trò của số 0 trong phép cộng; thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10; viết phép tính thích hợp với hình vẽ.

- Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác.

c) Xác định kiến thức, kĩ năng trọng tâm, tối thiểu cần kiểm tra:

- Đọc, viết, so sánh các số trong phạm vi 10; cộng, trừ trong phạm vi 10;
- Nhận dạng các hình đã học; viết phép tính thích hợp với hình vẽ.

d) Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 35 phút.

đ) Phân phối tỉ lệ số câu, số điểm và các mức:

- Xây dựng 10 câu hỏi trong đề kiểm tra gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan (khoảng 70% - tương ứng 7 câu) và câu hỏi tự luận (khoảng 30% - tương ứng 3 câu). Phân phối mỗi câu hỏi 1 điểm;

- Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình, phân phối tỉ lệ theo mạch kiến thức: Số học: khoảng 90% (9 câu); Hình học: khoảng 10% (1 câu); Giải toán có lời văn được tích hợp vào mạch số học chủ yếu ở mức 3 và mức 4;

- Tỉ lệ các mức: Mức 1: khoảng 20% (2 câu); Mức 2: khoảng 30% (3 câu); Mức 3: khoảng 30% (3 câu); Mức 4: khoảng 20% (3 câu).

e) Ma trận đề kiểm tra:

- Ma trận nội dung kiểm tra môn Toán cuối học kì I lớp 1:

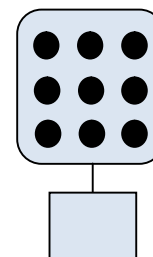
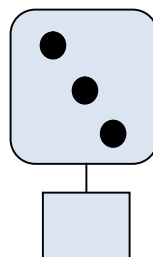
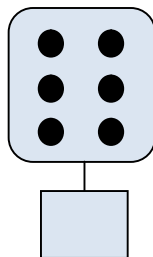
Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
Số học: Biết đếm, đọc, viết, so sánh các số đến 10; nhận biết được số lượng của một nhóm đối tượng (không quá 10 phần tử); biết sử dụng hình vẽ, vật thật (que tính, hòn sỏi, hạt ngô...) để thao tác minh họa phép cộng trong phạm vi 10; thuộc bảng cộng trong phạm vi 10 và biết cộng nhẩm trong phạm vi 10; bước đầu nhận biết được vai trò của số 0 trong phép cộng; thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10; viết phép tính thích hợp với hình vẽ.	Số câu	01	03	03	02	09
	Số điểm	01	03	03	02	09
Yếu tố hình học: Nhận biết được hình vuông, hình tròn, hình tam giác.	Số câu	01				01
	Số điểm	01				01
Tổng	Số câu	02	03	03	02	10
	Số điểm	02	03	03	02	10

- Ma trận câu hỏi đề kiểm tra môn Toán cuối học kì I lớp 1:

TT	Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
1	Số học	Số câu	01	03	03	02	09
		Câu số	1	2, 3, 4	6, 7, 9	8, 10	
2	Yếu tố hình học	Số câu	01				01
		Câu số	5				
Tổng số câu			02	03	03	02	10

g) Đề kiểm tra cuối học kì I lớp 1:

1. Viết số thích hợp vào ô trống:



2. Viết số hoặc cách đọc số theo mẫu:

a) ba: 3 năm: chín: bốn :

b) 5: năm 2: 8: 7:

3. Tính:

a) 5

$$\begin{array}{r} + 4 \\ \hline \dots\dots \end{array}$$

b) 3

$$\begin{array}{r} + 5 \\ \hline \dots\dots \end{array}$$

c) 8

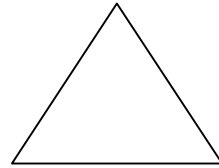
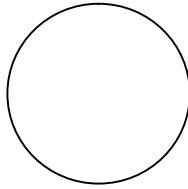
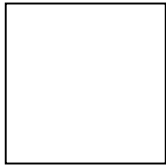
$$\begin{array}{r} - 5 \\ \hline \dots\dots \end{array}$$

4. Tính:

a) $7 + 2 = \dots$

b) $4 + 0 + 2 = \dots$

5. Hình ?



a) Hình

b) Hình

c) Hình

6. Số ?

a) $4 + \dots = 6$

b) $7 - \dots = 3$

7. ($>$, $<$, $=$) ?

a) $5 + 3 \dots 9$

b) $8 - 2 \dots 6$

c) $3 + 4 \dots 8 - 2$

8. Điền số và dấu (+, -) thích hợp để được phép tính đúng:

a)

			=	6
--	--	--	---	---

b)

			=	6
--	--	--	---	---

9. Viết phép tính thích hợp:

Em có : 4 chiếc kẹo

Bạn có : 3 chiếc kẹo

Có tất cả :... chiếc kẹo?

--	--	--	--	--

10. Điền số vào chỗ chấm và viết phép tính vào ô trống cho thích hợp:

Em có 8 viên bi, em cho bạn 3 viên bi. Hỏi em còn mấy viên bi?

Em có : ... viên bi

Cho bạn : ... viên bi

Em còn: ... viên bi?

--	--	--	--	--

4.2. Đề kiểm tra môn Toán cuối năm học lớp 3

a) Nội dung môn Toán lớp 3 (khoảng 175 tiết) gồm:

- Phép nhân và phép chia trong phạm vi 1000; các số đến 10 000 và các số đến 100 000.

- Đơn vị đo độ dài; đơn vị đo khối lượng; đơn vị đo diện tích; ngày, tháng, năm; xem lịch, xem đồng hồ; giới thiệu tiếp về tiền Việt Nam.

- Giới thiệu góc vuông và góc không vuông; tâm, bán kính và đường kính của hình tròn; tính chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình vuông; vẽ góc vuông, đường tròn.

b) Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Toán học kì I:

- Phép cộng, phép trừ có nhớ không liên tiếp và không quá hai lần, trong phạm vi 10 000 và 100 000; hoàn thiện các bảng nhân, chia 2,3,...,9; biết về $\frac{1}{6}$, $\frac{1}{7}$, $\frac{1}{8}$, $\frac{1}{9}$; phép nhân số có hai, ba chữ số với số có 1 chữ số có nhớ không quá 1 lần; phép chia số có hai, ba chữ số cho số có 1 chữ số; thực hành tính giá trị các biểu thức số có đến hai dấu phép tính; đọc, viết, so sánh các số; nhận biết các hàng; làm quen với bảng số liệu thống kê đơn giản và chữ số La Mã.

- Đo và ước lượng độ dài; biết quan hệ giữa kg và g; thực hành cân; biết đơn vị đo diện tích: xăng-ti-mét vuông (cm^2); ngày, tháng, năm; xem lịch, xem đồng hồ (chính xác đến phút); biết một số loại tiền Việt Nam.

- Nhận biết góc vuông và góc không vuông; tâm, bán kính và đường kính của hình tròn; tính được chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình vuông; biết vẽ góc vuông bằng thước thẳng và ê ke. Vẽ đường tròn bằng compa.

c) Xác định kiến thức, kỹ năng trọng tâm, tối thiểu cần kiểm tra:

- Kỹ năng đọc, viết số có 5 chữ số; kỹ năng tính nhẩm; kỹ năng thực hiện nhân, chia số có đến ba chữ số với số có một chữ số; sắp xếp các số; biết giải toán có đến 2 phép tính.

- Biết đổi số đo độ dài có hai tên đơn vị đo về một đơn vị đo;

- Tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông; tính diện tích hình chữ nhật;

d) Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 40 phút.

đ) Phân phối tỉ lệ số câu, số điểm và các mức:

- Xây dựng 10 câu hỏi trong đề kiểm tra gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan (khoảng 60% - tương ứng 6 câu) và câu hỏi tự luận (khoảng 40% - tương ứng 4 câu). Phân phối mỗi câu hỏi 1 điểm;

- Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình, phân phối tỉ lệ theo mạch kiến thức: Số học: khoảng 70% (7 câu); Đại lượng và đo đại lượng: khoảng 13% (1 câu); Hình học: khoảng 17% (2 câu); Giải toán có lời văn được tích hợp vào mạch số học chủ yếu ở mức 3 và mức 4;

- Tỉ lệ các mức: Mức 1: khoảng 30% (3 câu); Mức 2: khoảng 30% (3 câu); Mức 3: khoảng 30% (3 câu); Mức 4: khoảng 10% (1 câu).

e) Ma trận đề kiểm tra:

- Ma trận nội dung kiểm tra môn Toán cuối năm học lớp 3:

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
Số học: Phép cộng, phép trừ có nhớ không liên tiếp và không quá hai lần, trong phạm vi 10 000 và 100 000; hoàn thiện các bảng nhân, chia 2,3,...,9; biết về $\frac{1}{6}$, $\frac{1}{7}$, $\frac{1}{8}$, $\frac{1}{9}$; phép nhân số có hai, ba chữ số với số có 1 chữ số có nhớ không quá 1 lần; phép chia số có hai, ba chữ số cho số có 1 chữ số; thực hành tính giá trị các biểu thức số có đến hai dấu phép tính; đọc, viết, so sánh các số; nhận biết các hàng; làm quen với bảng số liệu thống kê đơn giản và chữ số La Mã.	Số câu	02	02	02	01	07
	Số điểm	02	02	02	01	07
Đại lượng và đo đại lượng: Đo và ước lượng độ dài; biết quan hệ giữa kg và g; thực hành cân; biết đơn vị đo diện tích: xăng-ti-mét vuông (cm^2); ngày, tháng, năm; xem lịch, xem đồng hồ (chính xác đến phút); biết một số loại tiền Việt Nam.	Số câu		01			01
	Số điểm		01			01
Yếu tố hình học: Nhận biết góc vuông và góc không vuông; tâm, bán kính và đường kính của hình tròn; tính được chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình vuông; biết vẽ góc vuông bằng thước thẳng và ê ke. Vẽ đường tròn bằng compa.	Số câu	01		01		02
	Số điểm	01		01		02
Tổng	Số câu	03	03	03	01	10
	Số điểm	03	03	03	01	10

- Ma trận câu hỏi đề kiểm tra môn Toán cuối năm học lớp 3:

TT	Chủ đề	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
----	--------	-------	-------	-------	-------	------

1	Số học	Số câu	02	02	02	01	07
		Câu số	1, 2	4, 6	7, 8	10	
2	Đại lượng và đo đại lượng	Số câu		01			01
		Câu số		5			
3	Yếu tố hình học	Số câu	01		01		02
		Câu số	3		9		
Tổng số câu			03	03	03	01	10

g) Đề kiểm tra môn Toán cuối năm học lớp 3:

1. Tính:

a) $6 \times 4 = \dots$

b) $7 \times 7 = \dots$

c) $72 : 8 = \dots$

d) $45 : 9 = \dots$

2. Viết (theo mẫu):

Viết số	Đọc số
54 369	Năm mươi tư nghìn ba trăm sáu mươi chín
36 052	
	Bốn mươi hai nghìn hai trăm linh sáu
25 018	
	Tám mươi nghìn sáu trăm ba mươi hai

3. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

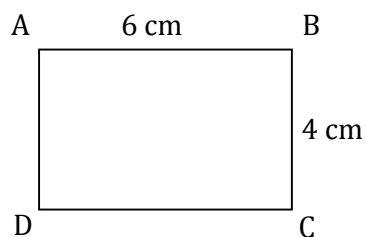
Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

A. 12cm

B. 36cm

C. 16cm

D. 20cm



4. Đặt tính rồi tính:

16×7

124×3

$810 : 9$

$679 : 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
5. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

a) Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm để $8m\ 7cm = \dots cm$ là:

- A. 87 B. 807 C. 870 D. 807cm

b) Thùng nhỏ có 24l dầu, số lít dầu ở thùng lớn gấp 5 lần số lít dầu ở thùng nhỏ.
Vậy số lít dầu ở thùng lớn là:

- A. 120l B. 29l C. 100l D. 1020l

6. Tìm x :

a) $x + 1998 = 2016$

b) $x \times 4 = 2016$

.....

.....

.....

.....

7. Viết các số 51 011; 51 110; 51 101; 51 001 theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

8. Bảy bạn học sinh được thưởng 56 quyển vở. Biết mỗi học sinh đều được thưởng bằng nhau. Hỏi 23 bạn học sinh thì được thưởng bao nhiêu quyển vở?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Một miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng 8cm, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.
Tính diện tích miếng bìa đó.

Trả lời. Miếng bìa có diện tích là:.....

10. Ba đội công nhân có tất cả 472 người. Đội 1 và đội 2 có tất cả 290 người.
Đội 2 và đội 3 có tất cả 336 người. Tính số người của đội 1 và đội 3 ?

Bài giải

.....

.....

.....
.....
.....

4.3. Đề kiểm tra môn Toán giữa học kì I lớp 5

a) Nội dung môn Toán giữa học kì I (khoảng 35 tiết) gồm:

- Số thập phân, hỗn số.
- Đơn vị đo độ dài; đơn vị đo diện tích.
- Tính được diện tích hình đã học.

b) Chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Toán giữa học kì I:

- Biết đọc, viết, so sánh các số thập phân, hỗn số; viết và chuyển đổi được các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân; một số dạng bài toán về “quan hệ tỉ lệ”.
- Biết tên gọi, kí hiệu và các mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài, diện tích, khối lượng; viết được số đo độ dài, diện tích, khối lượng dưới dạng thập phân.
- Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi; giải được các bài toán liên quan đến diện tích.

c) Xác định kiến thức, kĩ năng trọng tâm, tối thiểu cần kiểm tra:

- Viết số thập phân, giá trị theo vị trí của chữ số thập phân; so sánh số thập phân; giải bài toán bằng cách “Tìm tỉ số” hoặc “Rút về đơn vị”; giải được các bài toán liên quan đến diện tích.

- Biết đổi đơn vị đo diện tích;

- Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật.

d) Thời lượng làm bài kiểm tra khoảng 40 phút

đ) Phân phối tỉ lệ số câu, số điểm và các mức:

- Xây dựng 10 câu hỏi trong đề kiểm tra gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan (khoảng 70% - tương ứng 7 câu) và câu hỏi tự luận (khoảng 30% - tương ứng 3 câu). Phân phối mỗi câu hỏi 1 điểm;

- Căn cứ vào thời lượng, nội dung chương trình, phân phối tỉ lệ theo mạch kiến thức: Số học: khoảng 67% (7 câu); Đại lượng và đo đại lượng: khoảng 23% (2 câu); Hình học: khoảng 10% (1 câu); Giải toán có lời văn được tích hợp vào mạch kiến thức số học, hình học và chủ yếu ở mức 3, mức 4;

- Tỉ lệ các mức: Mức 1: khoảng 20% (2 câu); Mức 2: khoảng 20% (2 câu); Mức 3: khoảng 30% (3 câu); Mức 4: khoảng 30% (3 câu).

e) Ma trận đề kiểm tra:

- Ma trận nội dung kiểm tra môn Toán giữa học kì I lớp 5:

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
Số học: Biết đọc, viết, so sánh các số thập phân, hỗn số; viết và chuyển đổi được các số đo đại lượng dưới dạng số thập phân; một số dạng bài toán về “quan hệ tỉ lệ”.	Số câu	02	01	02	02	07
	Số điểm	02	01	02	02	07
Đại lượng và đo đại lượng: Biết tên gọi, kí hiệu và các mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài, diện tích, khối lượng; viết được số đo độ dài, diện tích, khối lượng dưới dạng thập phân.	Số câu		01	01		02
	Số điểm		01	01		02
Yếu tố hình học: Tính được diện tích hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi; giải được các bài toán liên quan đến diện tích.	Số câu				01	01
	Số điểm				01	01
Tổng	Số câu	02	02	03	03	10
	Số điểm	02	02	03	03	10

- Ma trận câu hỏi đề kiểm tra môn Toán giữa học kì I lớp 5:

TT	Chủ đề		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
1	Số học	Số câu	02	01	02	01	07
		Câu số	1, 2	4	5, 7	8, 9	
2	Đại lượng và đo đại lượng	Số câu		01	01		01
		Câu số		3	6		
3	Yếu tố hình học	Số câu				01	02
		Câu số				10	
Tổng số câu			02	02	03	03	10

g) Đề kiểm tra môn Toán giữa học kì I lớp 5:

1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Số liền trước của số 5099 là:

A. 5100

B. 4099

C. 5098

D. 6099

2. Viết số thập phân có:

a) Năm đơn vị, chín phần mười.

b) Hai mươi bốn đơn vị, một phần mười, tám phần trăm.

3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

Một con voi nặng 3,05 tấn. Hỏi con voi đó nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 305kg

B. 30,5kg

C. 3050kg

D. 3005kg

4. Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng:

Khi viết số thập phân 0,100 dưới dạng phân số thập phân, bạn Hà viết $0,100 = \frac{100}{1000}$; bạn Huy viết: $0,100 = \frac{10}{100}$; bạn Hùng viết: $0,100 = \frac{1}{100}$. Ai viết đúng, ai viết sai? Tại sao?

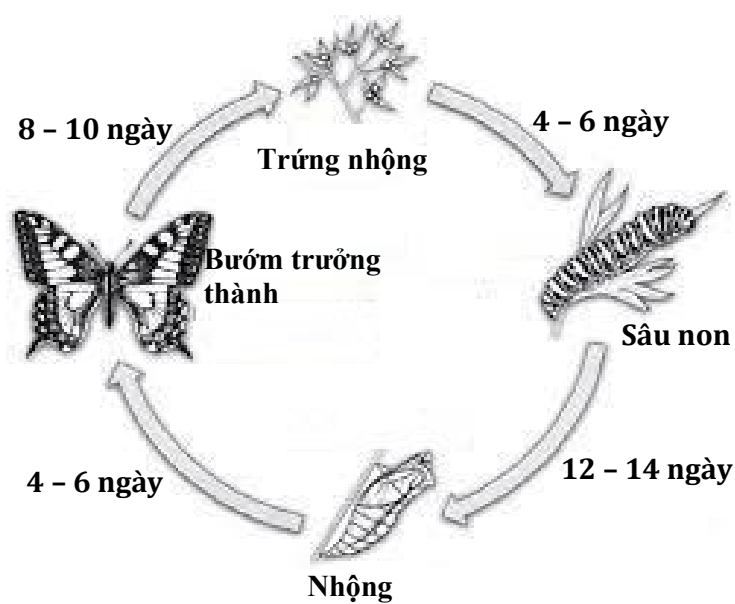
Trả lời. Người viết đúng là bạn.....

5. Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng:

Trước đây mua 5m vải phải trả 60 000 đồng. Hiện nay giá bán mỗi mét vải đã giảm 2 000 đồng. Hỏi với 60 000 đồng, hiện nay có thể mua được bao nhiêu mét vải như thế?

Trả lời. Có thể mua được mét vải.

6. Sơ đồ dưới đây mô tả vòng đời phát triển của loài bướm ở Châu Phi:



Mỗi con bướm trưởng thành sẽ chết sau khi sinh ra trứng nhộng. Như vậy, mỗi con bướm trưởng thành sống được bao lâu ?

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

- A. 4 ngày – 6 ngày
- B. 8 ngày – 10 ngày
- C. 12 ngày – 16 ngày
- D. 28 ngày – 36 ngày

7. Một vòi nước chảy vào bể. Giờ đầu chảy vào được $\frac{2}{15}$ bể, giờ thứ hai chảy vào $\frac{1}{5}$ bể. Hỏi trung bình mỗi giờ vòi nước đó chảy vào được bao nhiêu phần của bể?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

8. Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng:

Nhân dịp đầu năm học mới, một cửa hàng giày dép đã giảm giá $\frac{1}{4}$ so với giá ban đầu. Mẹ mua cho Minh và bố của Minh tại cửa hàng đó mỗi người một đôi giày

hết tất cả là 672 000 đồng. Tổng giá tiền ban đầu của hai đôi giày đó là:.....đồng.

9. Người ta đang lát gạch nền nhà của một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 8m và chiều rộng bằng $\frac{1}{2}$ chiều dài. Bạn Huy nói rằng chỉ cần dùng 88 viên gạch hoa hình vuông có cạnh 60cm thì có thể lát kín nền nhà (biết rằng mạch vữa là không đáng kể). Em hãy giải thích xem bạn Huy nói có đúng không ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

10. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 60m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Người ta trồng rau trên mảnh vườn đó, trung bình cứ 10m² thu được 15kg rau. Hỏi trên cả mảnh vườn đó, người ta thu hoạch được bao nhiêu tạ rau?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....